

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 07 - 2023

“Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hòa và bà Nguyễn Thị Thuận.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 29/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Khổng Thị T, sinh năm 1998 - có mặt
Địa chỉ: Bon U3, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ
Chỗ ở hiện nay: Tổ 2, khối 7, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Bá H, sinh năm 1994 - vắng mặt
Địa chỉ: Tổ 2, Bon U3, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp Tòa án ngày 28/02/2023, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Khổng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện đến với nhau năm 2016, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn Ea Tling, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2016.

Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà riêng ở tổ 2, Bon U3, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ.

Vợ chồng chung sống được vài năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H khi uống rượu vào thường chửi bới, đánh đập và đốt

quần áo của chị. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2023 cho đến nay, trong thời gian ly thân đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 26/8/2015. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt cho bị đơn anh Nguyễn Bá H đúng quy định pháp luật nhưng anh H vắng mặt không có lý do cũng như không cung cấp thêm bất cứ tài liệu, chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Chị T yêu cầu ly hôn với anh H. Về con chung chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Bá H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Không Thị T đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được BLTTDS và các văn bản liên quan quy định. Bị đơn anh Nguyễn Bá H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành theo giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai bị đơn đều vắng mặt không có lý do, tuy nhiên Thẩm phán đã tiến hành lập biên bản và làm các thủ tục đúng theo quy định của pháp luật nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị Không Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Bá H. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 26/8/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh Hùng cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật: Ngày 28/02/2023 chị Khổng Thị T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút giải quyết việc ly hôn và nuôi con với anh Nguyễn Bá H do đó quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Bá H có nơi cư trú tại Tổ 2, Bon U3, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177, Điều 196, Điều 208, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn anh Nguyễn Bá H vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Bá H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 131/2016 ngày 13/10/2016 của UBND thị trấn Ea Tling, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông thì anh Nguyễn Bá H và chị Khổng Thị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về mâu thuẫn gia đình: Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các bản tự khai và tại phiên tòa chị T cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh H khi uống rượu vào thường chửi bới, đánh đập và đốt quần áo của chị. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2023 cho đến nay, trong thời gian ly thân đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Tòa án đã triệu tập theo đúng quy định pháp luật anh H nhiều lần nhưng anh H vẫn không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn thể hiện anh Hùng không có thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Tuy nhiên chị T không còn tình cảm đối với anh H, vợ chồng đã ly thân từ 01/2023 đến nay, trong thời gian ly thân không thể hàn gắn tình cảm. Từ những nhận định trên xét thấy có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh H và chị T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Trong quá trình sống chung anh H và chị T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 26/8/2015. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con. Nhận thấy trẻ H là bé gái, từ khi sinh ra đến nay chị T là người trực tiếp chăm sóc trẻ, chị T hiện nay đang làm việc tại công ty môi trường, thu nhập 01 tháng khoảng 7.000.000 đồng, do đó để tạo điều kiện của sự phát triển của trẻ nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về đường lối xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Khổng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Bá H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 131/2016 ngày 13/10/2016 của UBND thị trấn Ea Tling, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 26/8/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H do chị T không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Anh H có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng do chị Khổng Thị T chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà chị T đã nộp

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000164 ngày 06/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút. Chị T đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn anh H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

